

KẾ HOẠCH

Rà soát, đơn giản hoá thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2022

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo; Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020-2025; Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022; các Nghị định của Chính phủ: số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 về tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với các quy định hành chính, số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính, số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính, số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính, số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 và các Thông tư của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ: số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính, số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2022 với nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, PHẠM VI

1. Mục đích

a) Thực hiện có hiệu quả các nội dung cải cách thủ tục hành chính trọng tâm theo Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15/5/2018, Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, góp phần cải cách hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

b) Nâng cao chất lượng phục vụ trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng không theo địa giới hành chính, giảm chi phí và tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức.

c) Kịp thời phát hiện những nội dung bất cập, vướng mắc, rườm rà, chồng chéo, không phù hợp đang gây khó khăn, cản trở của thủ tục hành chính trong quá trình giải quyết công việc cho cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp nhằm kịp thời sửa đổi, bổ sung hoặc kiến nghị các Bộ, Ngành trung ương xem xét sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ.

2. Yêu cầu

a) Việc rà soát, đơn giản hoá thủ tục hành chính phải được tiến hành một cách đồng bộ, hiệu quả, đầy đủ, đúng thời gian, đúng các nhóm, lĩnh vực, nội dung được yêu cầu.

b) Các phương án kiến nghị đơn giản hóa thủ tục hành chính phải có tính khả thi, kịp thời kiến nghị UBND tỉnh, các Bộ, ngành sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ những thủ tục hành chính không phù hợp, đảm bảo thống nhất trong quá trình thực hiện.

c) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ, không theo địa giới hành chính.

3. Phạm vi

Các thủ tục hành chính, các nhóm thủ tục hành chính được công bố tại các Quyết định công bố của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

II. NỘI DUNG, CÁCH THỨC

1. Đơn giản hoá thủ tục hành chính

a) Đối tượng: Các thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính được nêu tại Phụ lục của Kế hoạch.

b) Chủ thể thực hiện:

- Chủ trì: Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Phối hợp: Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã;

c) Cách thức đơn giản hoá thủ tục hành chính: cắt giảm thời gian giải quyết; kiến nghị cơ quan Trung ương về cắt, giảm thành phần hồ sơ, giấy tờ trong thực hiện thủ tục hành chính; tái cấu trúc quy trình giải quyết thủ tục hành chính,...;

d) Thời gian hoàn thành: Theo thời gian hoàn thành tương ứng với từng thủ tục hành chính nêu tại Phụ lục của Kế hoạch;

đ) Yêu cầu về kết quả đơn giản hoá thủ tục hành chính:

- Tỉnh được chi phí tiết kiệm được (chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hoá – chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau đơn giản hoá);

- Dự thảo Phương án đơn giản hoá trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính

a) Đối tượng:

- Đối với cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh: rà soát, đánh giá các thủ tục hành chính thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh.

- Đối với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã: rà soát, đánh giá các thủ tục hành chính thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của cấp huyện, cấp xã;

b) Chủ thể thực hiện: Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã;

c) Cách thức rà soát, đánh giá thủ tục hành chính: căn cứ Điều 25 Thông tư số 02/2017/TT-VPCP để điền Biểu mẫu rà soát, đánh giá thủ tục hành chính tại Phụ lục VII (ban hành kèm theo Thông tư số 02/2017/TT-VPCP);

d) Thời gian hoàn thành: trước ngày 15/8/2022;

đ) Yêu cầu về kết quả rà soát, đánh giá thủ tục hành chính:

- Xây dựng Báo cáo tổng hợp kết quả rà soát, đánh giá TTHC;

- Biểu mẫu rà soát đối với từng thủ tục hành chính (sử dụng biểu mẫu 02/RS-KSTT nêu tại Phụ lục VII Thông tư số 02/2017/TT-VPCP; điền vào biểu mẫu điện tử để có thể tái sử dụng biểu mẫu sau này).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm thực hiện

1.1. Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh

a) Tổ chức triển khai, thực hiện Kế hoạch rà soát, đơn giản hoá thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý và phạm vi giải quyết theo đúng thời hạn, đảm bảo chất lượng;

b) Triển khai áp dụng các phương án đơn giản hoá thủ tục hành chính sau khi được phê duyệt (đối với các phương án cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính).

1.2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện triển khai thực hiện rà soát, đơn giản hoá thủ tục hành chính;

b) Kiểm soát chất lượng kết quả rà soát, đơn giản hoá thủ tục hành chính, tính chi phí tuân thủ thủ tục hành chính của các cơ quan được giao nhiệm vụ tại Kế hoạch này;

c) Thẩm định, tổng hợp kết quả thực hiện của các Sở, Ngành được giao theo Kế hoạch trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

1.3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã

a) Tổ chức triển khai, thực hiện Kế hoạch rà soát, đơn giản hoá thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý và phạm vi giải quyết theo đúng thời hạn, đảm bảo chất lượng;

b) Triển khai áp dụng các phương án đơn giản hoá thủ tục hành chính sau khi được phê duyệt (đối với các phương án cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính);

c) Cung cấp các thông tin, số liệu của thủ tục hành chính được thực hiện tại UBND cấp huyện, cấp xã theo yêu cầu để các Sở, Ban, Ngành tính chi phí tuân thủ của thủ tục hành chính đó trên phạm vi toàn tỉnh (đối với đơn giản hoá thủ tục hành chính).

2. Kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí được bố trí từ nguồn ngân sách của các cơ quan, đơn vị để thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính. Các cơ quan, đơn vị được huy động các nguồn lực tài chính hợp pháp khác (nếu có) để hỗ trợ hoạt động rà soát, đánh giá thủ tục hành chính theo Kế hoạch này.

Trong quá trình thực hiện, nếu gặp khó khăn, vướng mắc, các cơ quan phản ánh kịp thời về Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính hoặc hộp thư điện tử kstthc@ubnd.nghean.gov.vn) để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- VPCP (Cục KSTTHC);
- CT, PCT UBND tỉnh (đ/c Hoa);
- CVP UBND tỉnh;
- PCVP UBND tỉnh (đ/c Thiện);
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT (v).

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

KT.CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Ngọc Hoa

DANH MỤC

RÀ SOÁT, ĐƠN GIẢN HOÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NĂM 2022 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NGHỆ AN
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 247/KH-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

TT	Cơ quan chủ trì	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mục tiêu đơn giản hóa	Số hồ sơ phát sinh trung bình 01 năm (ĐVT: hồ sơ)	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện rà soát	
							Bắt đầu	Hoàn thành
1	Sở Xây dựng	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng	Hoạt động xây dựng	Giảm 20% so với quy định, cụ thể: - Dự án nhóm B: không quá 20 ngày làm việc; - Dự án nhóm C: không quá 15 ngày làm việc.	160	Các Sở, Ban, Ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã	Tháng 4/2022	30/6/2022
		Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở	Hoạt động xây dựng	Giảm 20% so với quy định, cụ thể: - Công trình cấp I, cấp đặc biệt: 30 ngày làm việc; - Công trình cấp II, cấp III: không quá 24 ngày làm việc; - Công trình còn lại: 18 ngày làm việc.	130			

2	Sở Tài nguyên và Môi trường	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giám diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận	Đất đai	Giảm bớt thành phần hồ sơ (Giấy chứng minh nhân dân hoặc Giấy chứng minh quân đội hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc sổ hộ khẩu hoặc giấy tờ khác để chứng minh nhân thân) trong trường hợp Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, hệ thống định danh và xác thực điện tử được chia sẻ, tích hợp với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, cơ sở dữ liệu về đất đai.	1000	UBND các huyện, thành phố, thị xã	Tháng 4/2022	30/5/2022
3	Sở Công Thương	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	Lưu thông hàng hoá trong nước	Giảm 55% thời gian giải quyết so với quy định, cụ thể: giảm từ 20 ngày làm việc xuống còn 9 ngày làm việc	115	-	Tháng 4/2022	30/5/2022
4	Sở Tư pháp	Cấp Phiếu Lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam	Lý lịch tư pháp	Phân cấp cho UBND cấp huyện tiếp nhận, xử lý hồ sơ	35.744	Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã	Tháng 4/2022	30/7/2022

		Cấp bản sao trích lục hộ tịch	Hộ tịch	Bộ thành phần Tờ khai cấp bản sao trích lục hộ tịch	173.600		Tháng 4/2022	15/7/2022
		Dăng ký khai sinh		Bộ quy định về trường hợp uỷ quyền không chứng thực của người yêu cầu cho bố mẹ, anh, chị em ruột	72.800			
		Dăng ký lại khai sinh			39.000			
		Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân			44.600			
5	Sở Nội vụ	Thủ tục tặng Cờ thi đua cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Thi đua - Khen thưởng	Bộ quy định về nội dung Biên bản họp bình xét khen thưởng của cấp trình khen thưởng khi nộp hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính, thay vào đó, Biên bản sẽ được lưu tại cơ quan, đơn vị trình khen thưởng	130	Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã	Tháng 4/2022	30/6/2022
		Thủ tục Tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, ban, ngành đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương			180			
		Nhóm thủ tục lĩnh vực thi đua khen thưởng		Bộ xác nhận của cấp trình khen thưởng ở báo cáo thành tích của các tập thể, cá nhân (do hồ sơ trình khen thưởng đã có Tờ trình của cấp trình khen)	1250			



6	Sở Giao thông Vận tải	Cấp mới giấy phép lái xe	Đường bộ	Giảm thời gian giải quyết thủ tục 01 ngày so với quy định, cụ thể từ 10 ngày làm việc xuống còn 09 ngày làm việc	70.000	-	Tháng 4/2022	30/6/2022
		Đổi giấy phép lái xe do ngành giao thông vận tải cấp	Đường bộ	Giảm thời gian giải quyết thủ tục 01 ngày so với quy định, cụ thể từ 05 ngày làm việc xuống còn 04 ngày làm việc	25.000	-	Tháng 4/2022	30/6/2022
		Cấp giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào	Đường bộ	Giảm thời gian giải quyết thủ tục 01 ngày so với quy định, cụ thể từ 02 ngày làm việc xuống còn 01 ngày làm việc	4.000	-	Tháng 4/2022	30/5/2022

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN